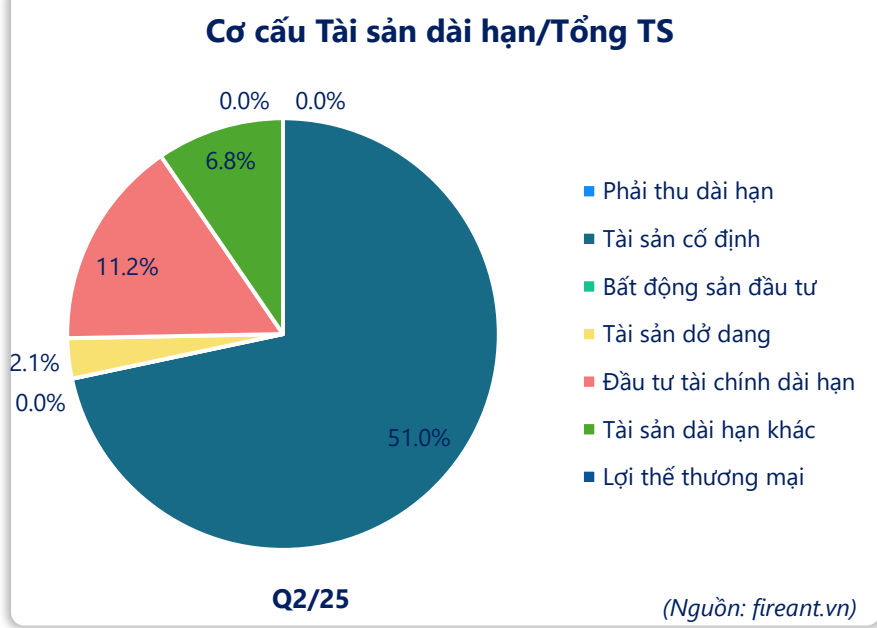
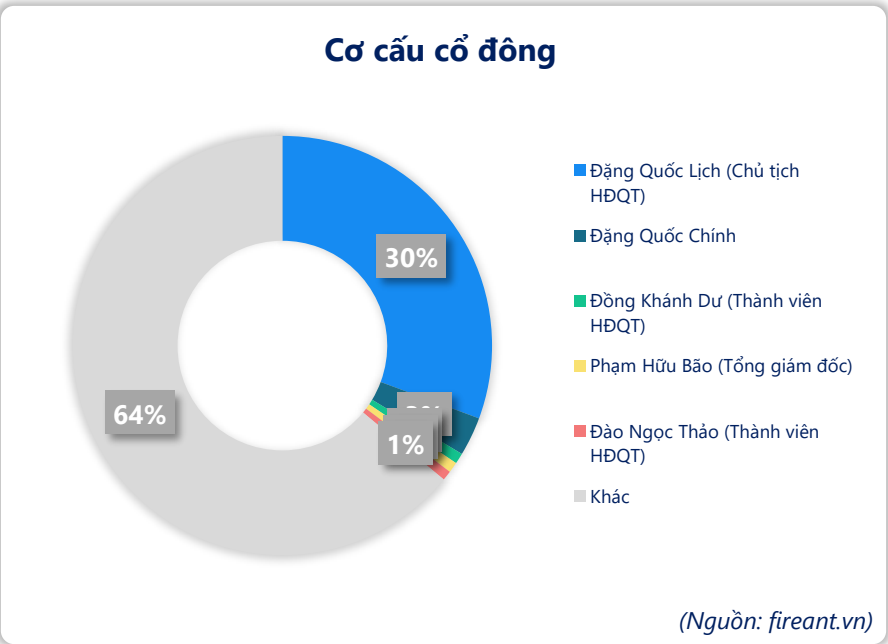
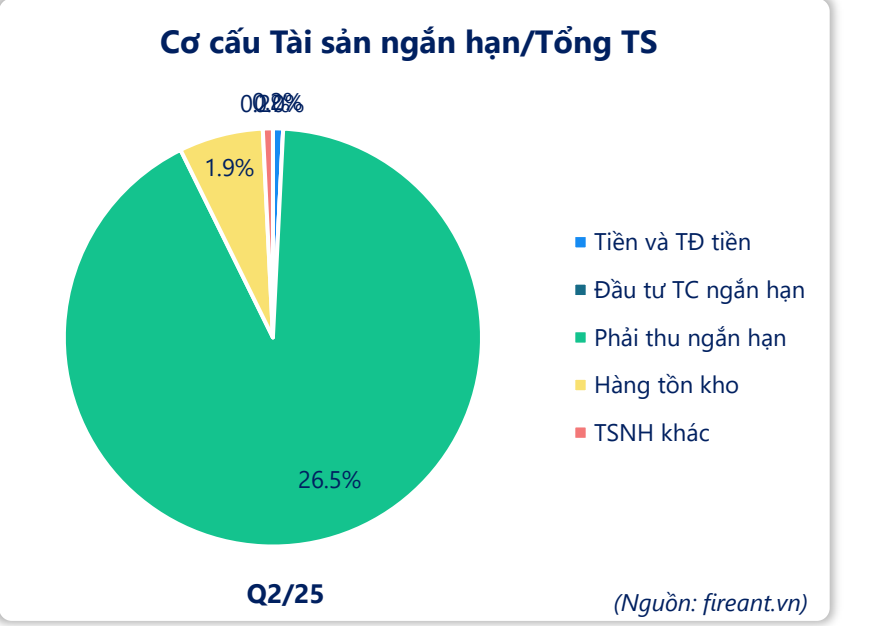
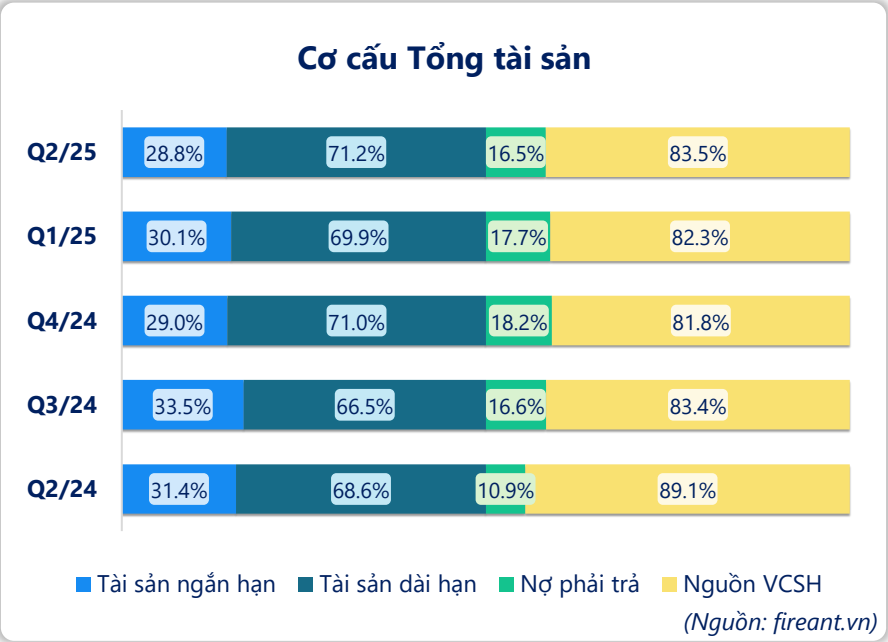
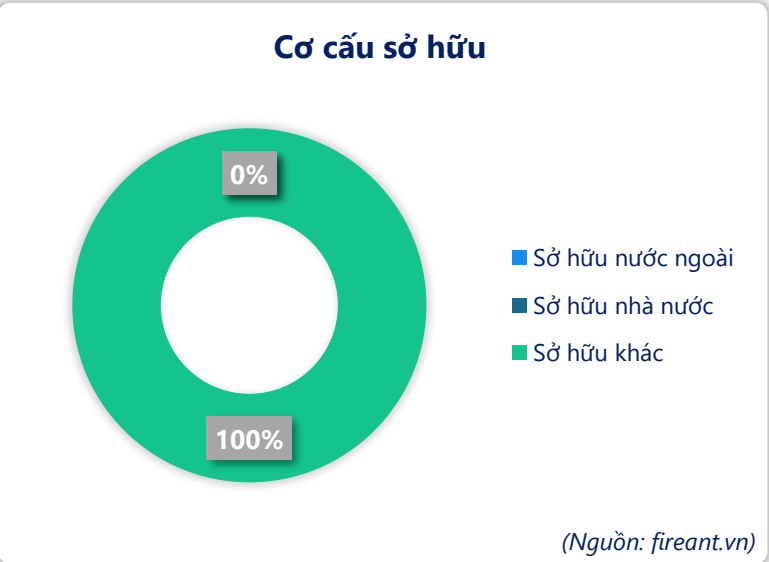
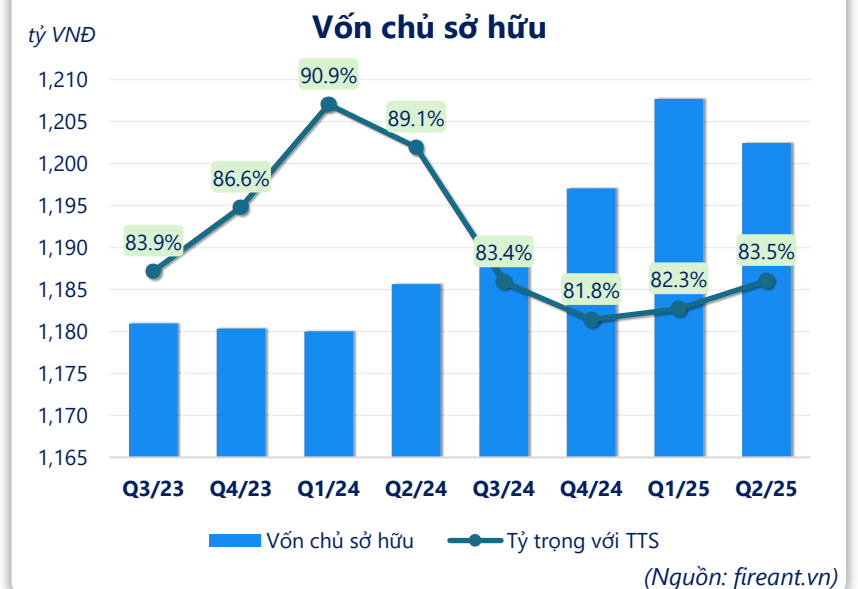
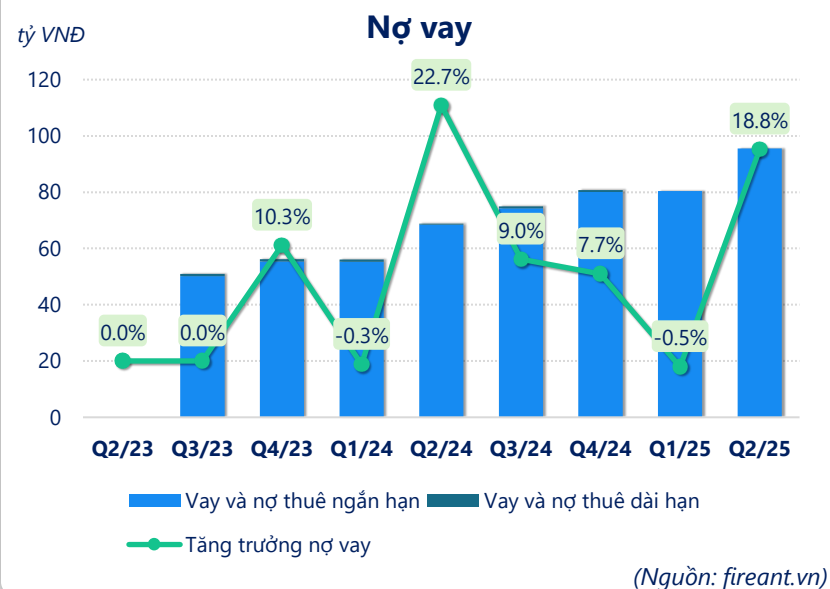
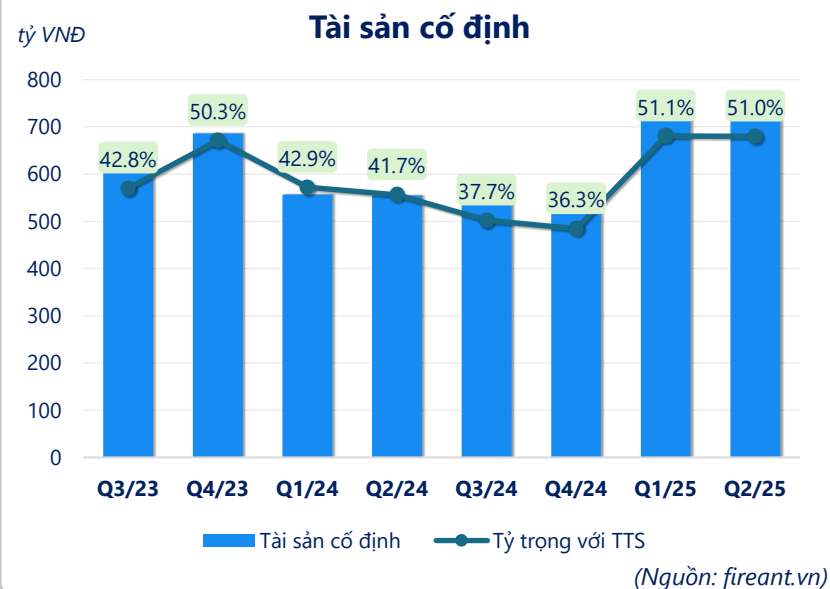
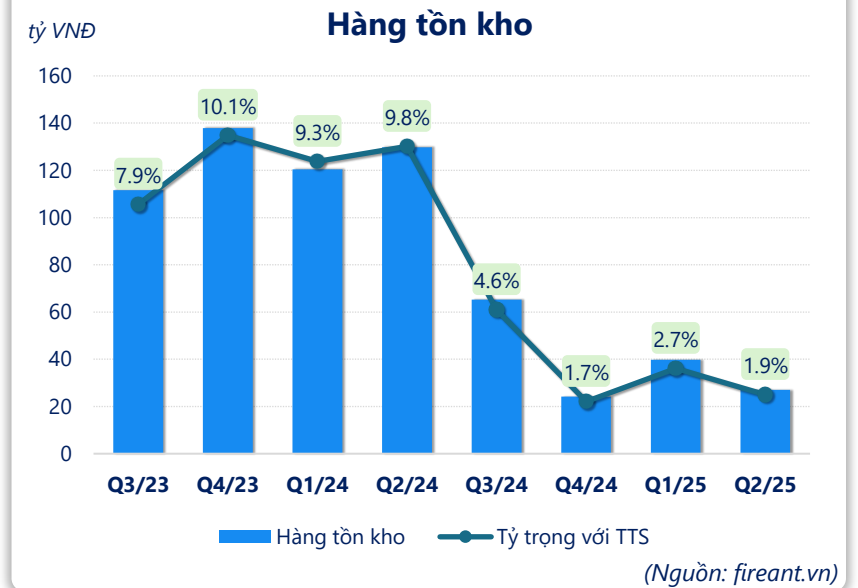
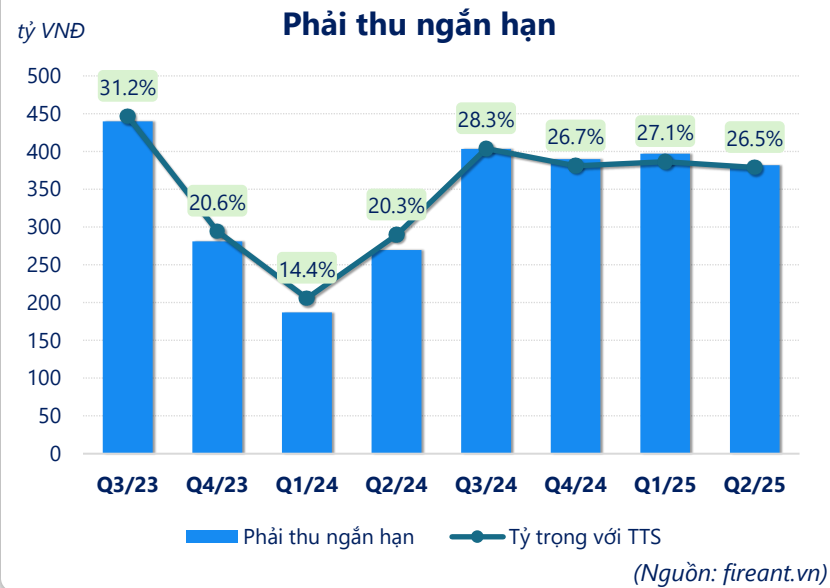
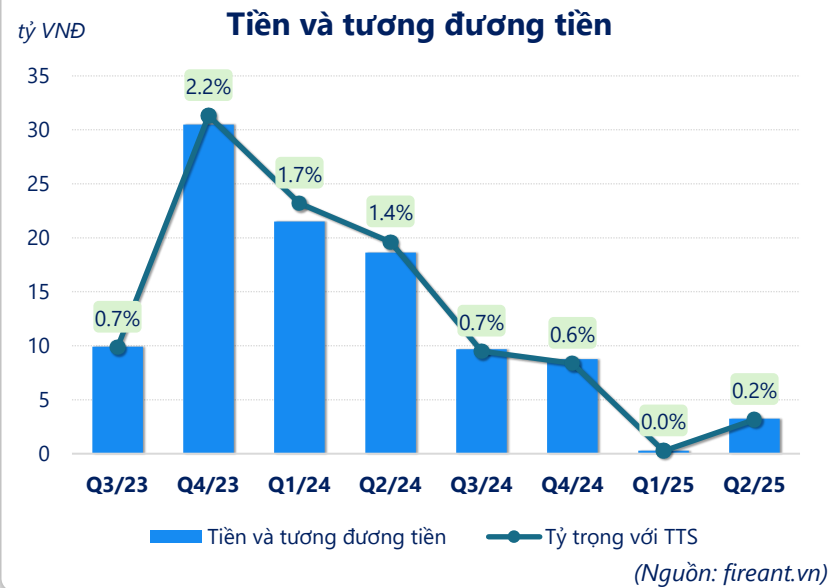
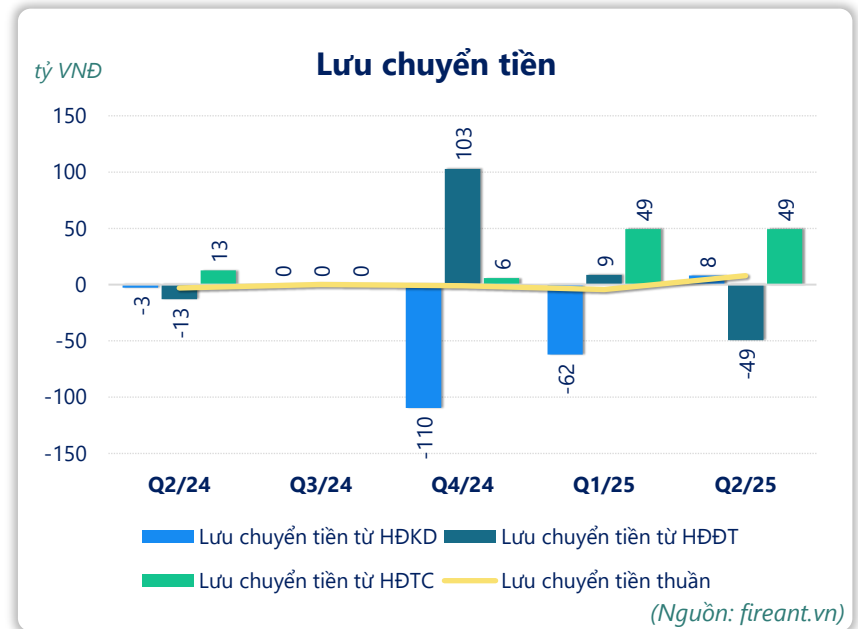
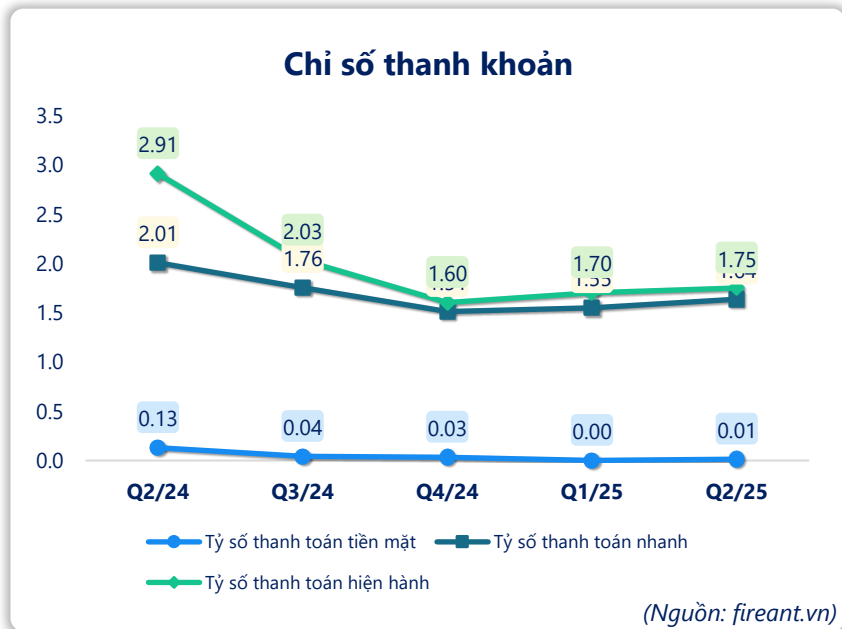
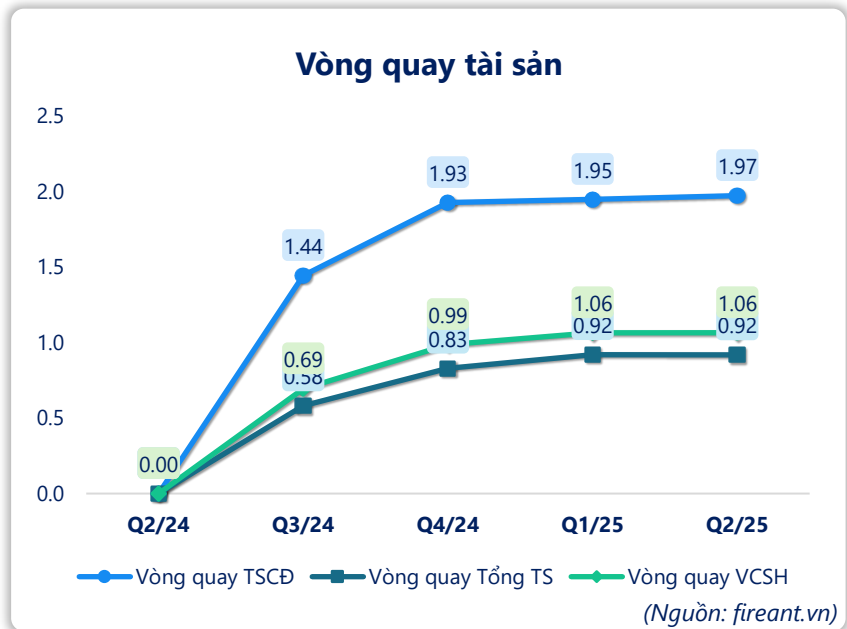
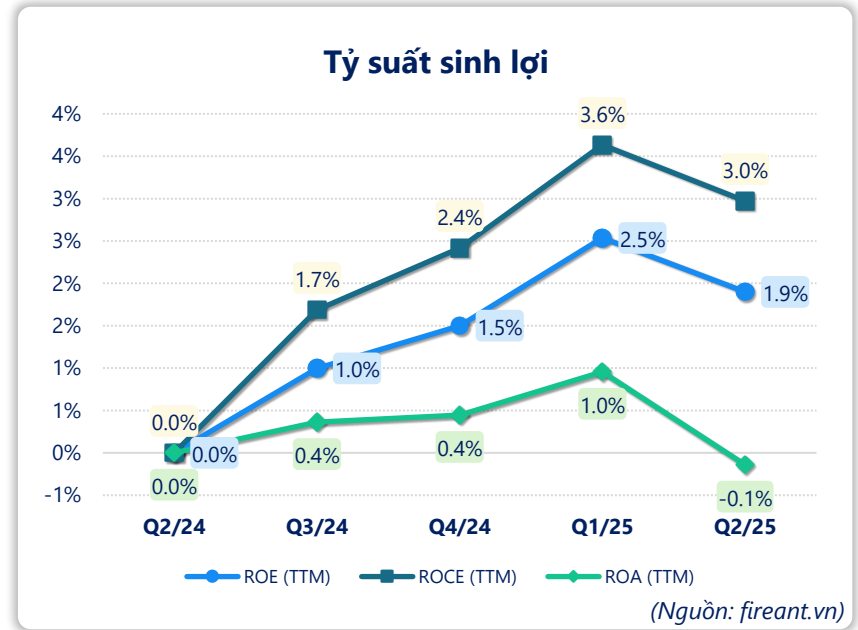
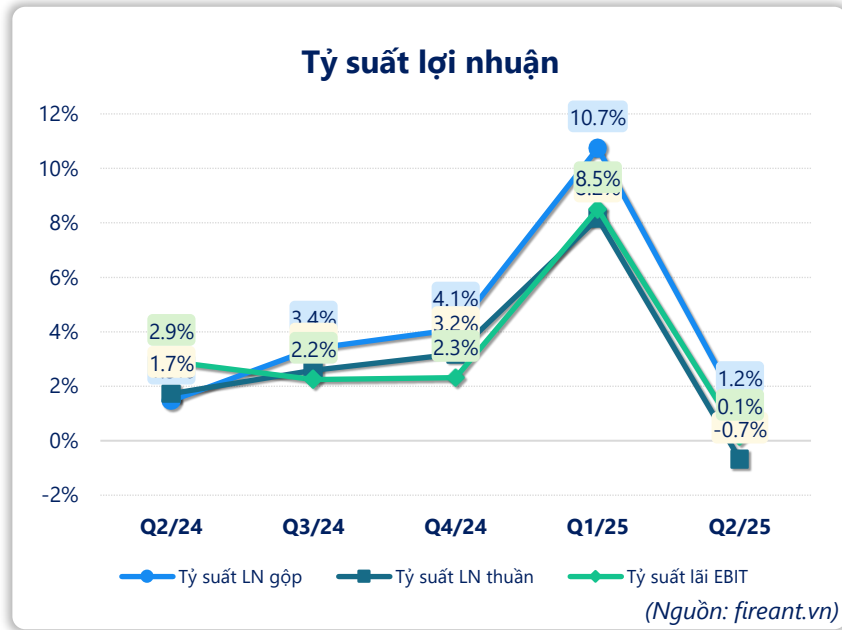
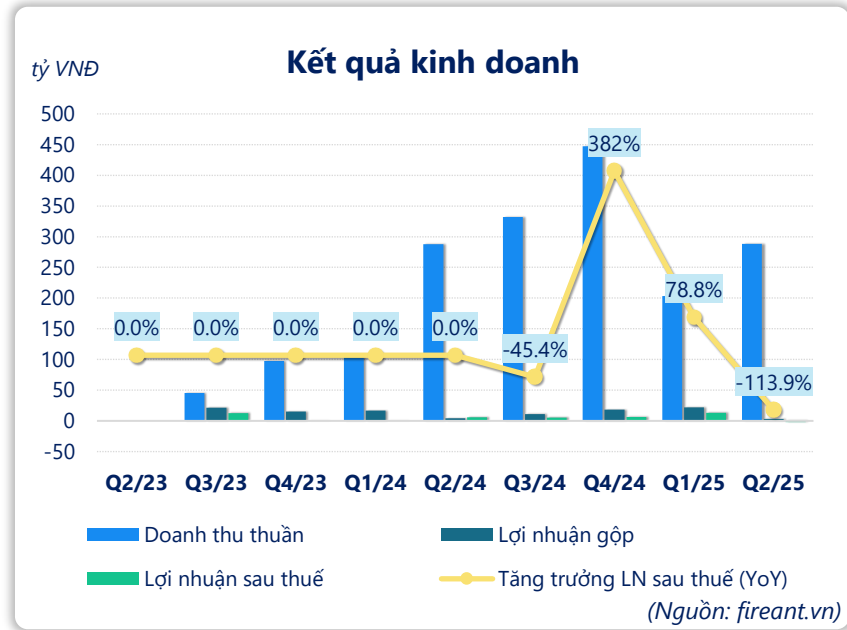


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,500
SL cổ phiếu LH		117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,045,830
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		460
P/E		20.3
EPS		192

	YTD	1T	3T	6T
AAH	5.4%	-7.1%	-11.4%	5.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,440	1,455	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	415	418	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	3.25	8.74	-62.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	382	386	-1.2%
Hàng tồn kho	27.0	22.2	22.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.21	1.30	147%
Tài sản dài hạn	1,025	1,037	-1.1%
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	735	770	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.9	5.45	467%
Đầu tư tài chính dài hạn	161	161	0.0%
Tài sản dài hạn khác	98.1	100	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	238	264	-9.9%
Nợ ngắn hạn	237	263	-9.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.5	80.6	18.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.7	130	-47.2%
Nợ dài hạn	0.71	0.95	-25.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,202	1,191	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,202	1,191	0.9%
Vốn điều lệ	1,179	1,179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	288	332	447	203	288
Giá vốn hàng bán	284	321	429	181	285
Lợi nhuận gộp	4.25	11.3	18.3	21.8	3.37
Doanh thu HĐTC	2.04	1.60	2.89	0.10	0.17
Chi phí TC	0.77	0.61	0.84	0.75	2.58
Chi phí lãi vay	1.28	0.61	0.84	0.75	2.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.85	0.99	1.27	0.87	0.85
Chi phí QLDN	-1.29	2.67	4.81	3.71	2.10
LN thuần từ HĐKD	4.96	8.58	14.3	16.6	-1.99
Lợi nhuận khác	2.10	-1.74	-4.75	-0.06	-0.16
LN trước thuế	7.07	6.84	9.51	16.5	-2.15
Lợi nhuận sau thuế	5.65	5.12	6.30	13.2	-1.95
LNST của CĐ cty mẹ	5.65	5.12	6.30	13.2	-1.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.62	0	-110	-62.3	8.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.0	0	103	8.58	-49.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.7	0	5.93	49.3	49.3
Tiền đầu kỳ	21.5	0	9.68	4.65	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	-2.86	0	-0.94	-4.38	7.94
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.6	0	8.74	0.27	8.21

(Nguồn: fireant.vn)